TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2024
Về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lâm
- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Dũng
- Ông Nguyễn Thế Anh
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Viết Hoàng Anh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự, thụ lý số: số 145/2024/TLST – HNGĐ ngày 20/05/2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị H, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ liên hệ: Xóm E, xã D, huyện D, Nghệ An.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày: Chị Cao Thị H và anh Đặng Văn T kết hôn với nhau ngày 06/05/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng vẫn nhẫn nhịn và tiếp tục chung sống. Mẫu thuận cao điểm và trầm trọng nhất là vào năm 2018. Nguyên nhân là do chồng không tu chí làm ăn và thiếu trách nhiệm với vợ con, mặc dù đã nhiều lần khuyên giải nhưng chồng vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có tiếng nói chung. Chị H đã bỏ về bên mẹ đẻ để sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với

anh T. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án huyện D giải quyết cho anh được ly hôn anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng đã có 01con chung Đặng Thị Thảo V sinh ngày 14/4/2012. Vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- Về quan hệ tài sản: Chị Cao Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ cá nhân hay tập thể nào. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Bị đơn anh Đặng Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ về các văn bản tố tụng, đây là phiên họp lần thứ 2 anh T vắng mặt không có lý do. Anh T cũng không có văn bản gửi cho Tòa án do vậy không có phần trình bày của anh T.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được căn cứ quy định của pháp luật Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

- Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp Luật tố tụng dân sự. Bị đơn cố tình dấu địa chỉ và không hợp tác mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, bị đơn hai lần vắng mặt không có lý do, không đến tham dự phiên Tòa. Đây là phiên tòa thứ hai bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đặng Văn T.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị H và anh Đặng Văn T.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng đã có 01con chung Đặng Thị Thảo V sinh ngày 14/4/2012. Vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Hiện tại anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, anh T cũng không có ý kiến gì về việc chị H có nguyện vọng nuôi con chung. Con chung từ trước tới nay đang sống khỏe mạnh, ở ổn định với chị H, xét nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng nên giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con: Việc chị H yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con là chính đáng và cần được chấp nhận buộc anh T phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị H mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp

với thu nhập thực tế tại địa phương. Thời gian đóng góp kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng Đặng Văn T đều vắng mặt không có lý do. Đây là phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Cao Thị H có đơn xin xét xử vắng mà, bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Cao Thị H và bị đơn anh Đặng Văn T.

[2]. Về nội dung

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Cao Thị H và anh Đặng Văn T1 là hoàn toàn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Nghệ An (Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2011ngày 06/5/2011).

Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng vẫn nhẫn nhịn và tiếp tục chung sống. Mâu Thuận cao điểm và trầm trọng nhất là vào năm 2018. Nguyên nhân là do chồng không tu chí làm ăn và thiếu trách nhiệm với vợ con, mặc dù đã nhiều lần khuyên giải nhưng chồng vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có tiếng nói chung. Chị H đã bỏ về bên mẹ đẻ để sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với anh T.

Xét thấy: Quá trình giải quyết, chị Cao Thị H không có nguyện vọng đoàn tụ với nhau. Anh Đặng Văn T biết được việc chị H gửi đơn yêu cầu Tòa án huyện Diễn Châu giải quyết ly hôn, mặc dù anh đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T đều không đến làm việc và cũng không có bản trình bày gửi cho Tòa án, nên được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Tòa án, điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa hai vợ chồng đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Đặng Văn T.

[2.2]. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Vợ chồng đã có 01con chung Đặng Thị Thảo V sinh ngày 14/4/2012. Vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Hiện tại anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, anh T cũng không có ý kiến gì về việc chị H có nguyện vọng nuôi con chung. Con chung từ trước tới nay đang sống khỏe mạnh, ổn định với chị H, xét nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng nên giao các con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con: Việc chị H yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con là chính đáng và cần được chấp nhận buộc anh T phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là phù hợp với thu nhập thực tế tại địa phương. Thời gian đóng góp kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con 18 tuổi trưởng thành.

Anh Đặng Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị Cao Thị H và anh Đặng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. ề"Về án phí: Chị Cao Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228; khoản 1 Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 51 và các Điều 56, 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật Hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Đặng Văn T.

- *Về nuôi con chung:* Giao chung Đặng Thị Thảo V sinh ngày 14/4/2012 cho chị Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con 18 tuổi trưởng thành. Anh Đặng Văn T có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Cao Thị H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian đóng góp cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 7/ 2024.

Anh Đặng Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Cao Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị H được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo Biên lai thu tiền số 0011400 ngày 15/5/2024 (Chị H đã nộp đủ án phí).

Anh Đặng Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều"Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều"Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
-Chi cục THA dân sự Diễn Châu;
- UBND xã Diễn Thọ
- Lưu HS, lưu VP.

Nguyễn Đình Lâm